TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/DS-ST
Ngày: 30-9-2020
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phường;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hiến;
2. Ông Nguyễn Văn Tuấn;

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 09 và 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 183/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP Đ Việt Nam**;

Người đại diện theo pháp luật: **Nguyễn Đình L** – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Địa chỉ trụ sở: Số 22 N, phường T, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: **Huỳnh Cảnh K**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 14C, đường 30/4, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020.

2. Bị đơn:

2.1- **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1983;
2.2- **Mai Thụy Thúy H**, sinh năm 1987;
Cùng địa chỉ: khóm 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm anh Huỳnh Cảnh Klà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam trình bày:*

Vào ngày 02/10/2009, giữa Ngân hàng TMCP M– PGD Cao Lãnh (nay Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam, gọi tắt: Ngân hàng) với anh T và chị H có ký hợp đồng tín dụng số 0210/2009/M02-F2 có nội dung như sau: Số tiền vay là 660.000.000 đồng; Lãi suất cho vay trong hạn là 1,1%/tháng cho 03 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần theo công thức lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm lãnh lãi cuối kỳ của kỳ hạn 12 tháng ở bậc thang cao nhất do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng 0,4%/tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày khách hàng nhận tiền lần đầu tiên; Mục đích vay mua xe ô tô 07 chỗ Hyundai Santafe SLX 2.0.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, anh T và chị H có ký hợp đồng thế chấp tài sản 0210/2009/M02-F4 ngày 02/10/2009 gồm tài sản như sau: 01 xe ô tô Hyundai Santafe SLX 2.0, biển số 66S-7255, loại xe 07 chỗ, màu đen, số khung KMHHSJ81UBAU533185, số máy D4HA9U029252, giấy đăng ký xe ô tô số 004204 do Phòng Cảnh sát Giao thông, Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/9/2009.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên thì anh T và chị H đã không thực hiện trả nợ theo như hai bên đã cam kết trong hợp đồng. Vào tháng 3/2015, Ngân hàng đã xử lý bán đấu giá tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô trên để thu hồi nợ gốc và 01 phần nợ lãi. Anh T và chị H đã thanh toán được Ngân hàng cụ thể như sau: Nợ gốc đã thanh toán xong là 660.000.000 đồng; 01 phần nợ lãi là 317.667.103 đồng. Tính đến thời điểm ngày 21/02/2020, anh T và chị H còn nợ Ngân hàng số tiền lãi là 647.699.454 đồng.

Theo như đơn khởi kiện thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T và chị H phải liên đới thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng (tạm tính đến ngày 21/02/2020) số tiền tổng cộng 647.699.454 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0210/2009/M02-F2 ngày 02/10/2009 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Ngoài ra, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà anh T và chị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành xác minh, kê biên, phát mãi tài sản khác của anh T và chị H để thu hồi khoản vay. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán khoản nợ của anh T và chị H đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh T và chị H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì phía Ngân hàng xin thay đổi yêu cầu là nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T và chị H phải liên đới thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng (tạm tính đến ngày 30/9/2020) số tiền tổng cộng 270.361.619 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2020 theo lãi suất quá hạn như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0210/2009/M02-F2 ngày 02/10/2019 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ. Đối với các yêu cầu gồm: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà anh T và chị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành xác minh, kê biên, phát mãi tài sản khác của anh T và chị H để thu hồi khoản vay. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán khoản nợ của anh T và chị H đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh T và chị H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thì nay Ngân hàng xin rút lại toàn bộ các yêu cầu trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh T và chị H mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy ủy quyền;
+ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (bản sao);
+ Quyết định bổ nhiệm cán bộ (bản sao);
+ Quyết định hợp nhất ngân hàng (bản sao);
+ Giấy phép thành lập và hoạt động (bản sao);
+ Hợp đồng tín dụng (bản sao);
+ Giấy rút tiền vay (bản sao);
+ Hợp đồng thế chấp tài sản (bản sao);
+ Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo);
+ Bảng kê tính lãi.

- Bị đơn không có nộp tài liệu chứng cứ gì.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26 tháng 6 năm 2020.

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Không.

** Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T và chị H phải liên đới thanh toán nợ lãi

cho Ngân hàng (tạm tính đến ngày 30/9/2020) số tiền tổng cộng 270.361.619 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2020 theo lãi suất quá hạn như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0210/2009/M02-F2 ngày 02/10/2019 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng (vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại khóm 4, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh T và chị H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị H.

Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 415/2020/QĐST-DS ngày 09/9/2020 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Mai Văn Thanh và ông Lê Văn Vững. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Thanh và ông Vững bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Đào Văn Hiến và ông Nguyễn Văn Tuấn là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Xét yêu cầu khởi hiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là vào ngày 02/10/2009, giữa Ngân hàng TMCP M – PGD Cao Lãnh (nay Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam, gọi tắt: Ngân hàng) với anh T và chị H có ký hợp đồng tín dụng số 0210/2009/M02-F2 có nội dung như sau: Số tiền vay là 660.000.000 đồng; Lãi suất cho vay trong hạn là 1,1%/tháng cho 03 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần theo công thức lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm lãnh lãi cuối kỳ của kỳ hạn 12 tháng ở bậc thang cao nhất do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng 0,4%/tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày khách hàng nhận tiền lần đầu tiên; Mục đích vay mua xe ô tô 07 chỗ Hyundai Santafe SLX 2.0. Xét thấy, lời trình bày trên là có cơ sở và việc Ngân hàng có cho anh T và chị H vay tiền là có thật, thể hiện qua hợp đồng tín dụng số 0210/2009/M02-F2 ngày 02/10/2009, hợp đồng thế chấp tài sản số 0210/2009/M02-F4 ngày 02/10/2009 và giấy rút tiền vay ngày 07/10/2009. Đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi, đến nay hợp đồng vay đã quá hạn và dư nợ gồm: nợ vay vốn đã trả xong và nợ lãi tạm

tính đến ngày 30/9/2020 là 270.361.619 đồng. Phía anh T và chị H đến nay đã chưa trả nợ lãi cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Đối với anh T và chị H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[6] Về án phí:

- Ngân hàng không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Anh T và chị H phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

Buộc anh Nguyễn Thanh T và chị Mai Thụy Thúy H phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 30/9/2020 là 270.361.619 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu, ba trăm sáu mươi mốt nghìn, sáu trăm mười chín đồng) và tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ lãi trên từ ngày 01/10/2020 theo hợp đồng tín dụng số 0210/2009/M02-F2 ngày 02/10/2009 cho đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí:

- Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam 14.954.000 đồng (Mười bốn triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã

nộp theo biên lai số 0000385 ngày 06/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn Thanh T và chị Mai Thụy Thúy H phải liên đới chịu 13.518.000 đồng (Mười ba triệu, năm trăm mười tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Jet).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Văn Hiến - Nguyễn Văn Tuấn **Nguyễn Minh Phường**